

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2021/HSST

Ngày 16/12/2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cồ Khắc Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hiến

2. Bà Nguyễn Thị Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tứ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 201/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2021, theo quyết định đưa ra xét xử số 205/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/HSST-QĐ ngày 14/12/2021 đối với bị cáo:

Đỗ Thanh L, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Khu 6, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Đỗ Tiến T; Họ tên mẹ: Hoàng Thị L1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 25/6/2021, Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bị hại:* Anh Đặng Minh H, sinh năm 1993;
Nơi cư trú: Tổ 11, phường P, quận L, Thành phố Hà Nội.

“Vắng mặt”.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Trung H1, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội.

“Văng mặt”

2. Anh Nguyễn Việt A; sinh năm 1984

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, Thành phố Hà Nội. “Văng mặt”

3. Anh Nguyễn Bá B; sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, Thành phố Hà Nội. “Văng mặt”

4. Bà Nguyễn Thị H2; sinh năm 1961

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, Thành phố Hà Nội. “Văng mặt”;

5. Chị Đỗ Thị Hà T2; sinh năm 1995

Nơi cư trú: Khu 3, Xã V, huyện H, Phú Thọ. “Văng mặt”

6. Anh Vương Trọng C; sinh năm 1987

Nơi cư trú: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, Thành phố Hà Nội. “Văng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó anh Đặng Minh H có nợ số tiền 2.000.000 đồng của Nguyễn Tú L2 là tiền phí L2 nhờ H vay tiền ngân hàng hộ L2 nhưng H không vay được tiền và chưa trả L2 số tiền trên. Ngày 21/03/2018, Nguyễn Tú L2 mượn facebook của Nguyễn Bá C1, sinh 1996, HKTT: Tổ K, thị trấn Q, huyện G, Hà Nội để nói chuyện với H với nội dung có người muốn vay tiền nhờ H giúp và hẹn gặp nhau tại Số nhà 359 đường T, tổ A, thị trấn T, huyện G, Hà Nội. Sau đó khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22/3/2018, anh H điều khiển xe máy nhãn hiệu Piaggio LX màu đỏ có BKS 29M1-160.20 đi đến địa chỉ trên thì lúc này trong nhà có Nguyễn Tú L2; Đỗ Thanh L và 02 người phụ nữ khoảng 20 tuổi không biết tên tuổi địa chỉ. Tại phòng trọ, L2 hỏi H về việc vay được tiền ngân hàng nhưng không đưa cho L2 làm ngân hàng đòi tiền L2 (cả gốc và lãi là 50 triệu đồng) thì H cho rằng không có việc vay được tiền ngân hàng như L2 nói. Sau đó L2 cầm 01 ống tuýp bằng kim loại dài khoảng 55 cm vụt vào tay và người của H vừa đánh vừa đòi tiền H nợ và tiền H vay ngân hàng hộ L2. Thấy L2 đánh H đòi tiền, L cũng dùng chân tay không đảm, đá vào mặt, người của H. Cùng lúc này có Lê Minh K đi vào nhìn thấy L2 cầm tuýp bằng kim loại đánh H, L dùng chân tay không đảm đá vào người H nên K vào can ngăn thì L2 nói với K về việc do H nợ tiền L2 nên mới đánh H. K quay ra nói với H “Thằng kia có tiền thì trả nó

đi không nó đánh cho” thì H nói với K “em không có”. Do H không có tiền trả L2 nên L2 yêu cầu H viết giấy bán xe, đồng thời L2 hỏi H đăng ký xe thì H lấy đăng xe trong ví đưa cho H. L2 nhờ K đi lấy giấy bán xe về cho L2, K đồng ý và đi ra cửa hàng của Nguyễn Việt A, sinh 1984 tại địa chỉ 237 đường T, thị trấn T, huyện G, Hà Nội xin giấy bán xe mang về cho L2. Sau đó L2 bắt H viết 01 tờ giấy bán xe với số tiền 50.000.000 đồng để trừ nợ nhưng H không đồng ý. Do sợ bị L2 đánh nên H viết giấy bán xe theo yêu cầu của L2 bán xe với số tiền 50.000.000 đồng. Viết giấy bán xe xong, L2 yêu cầu H đưa 01 nhẫn vàng tây 02 chỉ đang đeo ở tay và 01 điện thoại Iphone 6 plus. H sợ và làm theo yêu cầu của L2 đưa nhẫn và điện thoại cho L2 thì L2 nhờ K dẫn H và L mang xe của H đi làm thủ tục hợp thức việc H bán xe để lấy tiền trả cho L2. K đồng ý chở H, còn L đi xe máy đi cùng ra cửa hàng của Nguyễn Việt A tại địa chỉ 237 đường T, thị trấn T, huyện G, Hà Nội. Khi đến quán, K nói với Việt A về việc có người nợ tiền muốn cầm xe và mượn cửa hàng, tiền của Việt A để làm thủ tục hợp thức hóa việc H bán xe. Việt A đồng ý đưa cho K mượn 1 cọc tiền Polime mệnh giá 500.000 đồng. Sau đó K đưa tiền cho H và bảo H cầm giấy bán xe, đăng ký xe lên để K dùng điện thoại của K chụp ảnh lại mục đích thể hiện chính H là người bán xe chứ không phải K. Sau đó Việt A tra giấy tờ xe không chính chủ nên Việt A không nhận cầm cố xe. Do không cầm được xe của H, L đi xe máy chở H về chỗ trọ gặp L2 để nói lại cho L2 biết. Về đến nơi thì L2 đưa cho L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng và 01 nhẫn vàng tây 02 chỉ lấy của anh H trước đó để L đưa cho K đi cầm chiếc điện thoại còn nhẫn trả lại cho anh H. L tiếp tục chở H ra quán điện thoại số 235 đường vành đai T của anh Nguyễn Trung H1 sinh 1986, ở K, xã Đ thì gặp K ở đó. L đưa cho K 01 điện thoại hiệu Iphone 6 plus màu vàng thì K cầm vào quán của anh H1 cầm điện thoại nhưng do máy bị lỗi vân tay nên anh H1 bảo không được bao nhiêu. K nói với anh H1 cho K vay 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng và K để lại điện thoại thì anh H1 đồng ý. K cầm tiền đưa cho H 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để đi xe về, số tiền còn lại 2.000.000 đồng K mang về đưa cho L2. Khoảng cuối tháng 3/2018 do có việc về quê, L2 mang xe máy hiệu Piaggio LX màu đỏ có BKS 29M1-160.20 của H mang đến gửi tại cửa hàng địa chỉ 93 A, T của anh Vương Trọng C sinh 1987, trú tại: Tổ K, thị trấn Q, huyện G, Hà Nội (bạn quen biết ngoài xã hội) rồi L2 nhờ K đến địa chỉ trên lấy xe về trả cho H vì lúc này L2 nghĩ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Ngày 31/3/2018, K nhờ

mẹ là bà Nguyễn Thị H2, sinh 1961, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, Hà Nội ra địa chỉ 93 A, T lấy xe máy về trả cho H. Khi đến cửa hàng, bà H2 gặp 1 thanh niên không biết tên tuổi địa chỉ hỏi chuộc xe máy hết 10.000.000 đồng và đến địa chỉ 55 Tổ K, thị trấn Q, huyện G, Hà Nội gặp anh Nguyễn Bá B, sinh 1990, trú tại: Tổ K, thị trấn Q, huyện G, Hà Nội để lấy xe. Sau khi lấy được xe, bà H2 mang trả cho H cùng số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng là tiền của bà bồi thường cho H do con trai bà là Lê Minh K có L quan đến vụ việc cướp tài sản xảy ra ngày 22/3/2018 tại thị trấn T, huyện G, Hà Nội. Ngày 16/11/2018, Nguyễn Tú L2 đến phòng cảnh sát hình sự - Công an thành phố Hà Nội đầu thú khai nhận toàn bộ sự việc. Ngày 03/6/2019, Cơ quan CSĐT- Công an huyện G đã ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam trong thời hạn 4 tháng đối với Lê Minh K đồng phạm với Nguyễn Tú L2 về tội cướp tài sản quy định tại khoản 2 điều 168 BLHS. Ngày 05/6/2019 bắt được bị can K, K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối với Đỗ Thanh L, ngày 17/8/2018 Cơ quan CSĐT- Công an huyện G đã ra lệnh bắt bị can để tạm giam nhưng L bỏ trốn. Ngày 09/11/2018, Cơ quan CSĐT- Công an huyện G ra Quyết định truy nã bị can L, đến ngày 18/3/2019 ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án hình sự số 11 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 06 ngày đối với Đỗ Thanh L về tội Cướp tài sản quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự. Ngày 25/6/2021, Công an phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ bắt được bị can Đỗ Thanh L, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của K 01 tờ giấy bán xe (bản phô tô); 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 plus màu ghi. Thu giữ của Nguyễn Trần Quỳnh C2 (ở tại 359 đường T – thị trấn T – huyện G - Hà Nội): 01 tuýp bằng kim loại dài khoảng 55 cm đường kính 03 cm. Thu của Nguyễn Trung H1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng. Thu giữ của Nguyễn Việt A: 01 USB màu đen loại 16G.

Theo kết luận định giá tài sản số 56/KL- HĐ ĐG ngày 11/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện G kết luận: Tại thời điểm ngày 22/3/2018; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio LX, màu trắng, BKS 29 M1-16020 có giá trị 26.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, dung lượng 16 GB có giá 5.000.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 80/ KL- HĐĐG ngày 03/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện G kết luận: 01 chiếc nhãn 02 chỉ bằng vàng tây có giá 3.300.000 đồng.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Piagio LX màu đỏ có BKS 29M1-160.20 anh H đã nhận lại từ gia đình K, xe không bị hỏng hóc gì. Đối với 01 nhãn vàng tây 02 chỉ sau khi H nhận lại do L đưa ngày 22/3/2018 H bán cho cửa hàng nhưng H không nhớ bán ở đâu với giá 3.000.000 đồng và không giữ giấy tờ nguồn gốc mua bán đối với chiếc nhãn trên.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng thu giữ của anh Nguyễn Trung H1 là tài sản của anh Đặng Minh H. Ngày 28/12/2018, Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc điện thoại trên cho anh Đặng Minh H.

Đối với thương tích của anh Đặng Minh H: Cơ quan CSĐT – Công an huyện G đã ra quyết định trưng cầu giám định thương tích số 257 ngày 06/6/2018 nhưng do thương tích nhẹ, anh H từ chối giám định thương tích.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 plus màu ghi thu giữ của Lê Minh K. Ngày 22/3/2018, K dùng điện thoại trên để chụp hình ảnh H cầm giấy bán xe và tiền mục đích để K hợp thức việc bán xe của H.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền K vay của anh Nguyễn Trung H1 và để lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng. Anh H1 không yêu cầu đề nghị gì về số tiền này.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng là tiền của bà Nguyễn Thị H2 (mẹ K) đưa cho 1 thanh niên không biết tên tuổi địa chỉ ở cửa hàng số 93A, T để lấy xe máy về trả cho H, bà H2 không đề nghị gì về số tiền này.

Đối với người đàn ông tên T3: Theo lời khai của anh Vương Trọng C thể hiện Nguyễn Tú L2 là người mang xe máy nhãn hiệu Piagio LX màu đỏ có BKS 29M1-160.20 đến cửa hàng địa chỉ số 93 A, T cấm cho T3 (C không biết cụ thể tên tuổi địa chỉ T3 ở đâu). Bản thân bị cáo Nguyễn Tú L2 không khai nhận về việc cấm xe máy như anh C nêu trên, do vậy không có căn cứ điều tra làm rõ về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với T3.

Đối với anh Nguyễn Trung H1 khi nhận cầm cố 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng của Lê Minh K, K không nói về nguồn gốc chiếc điện thoại nêu trên nên anh H1 không biết đây là điện thoại trong vụ cướp

tài sản mà có, do vậy không có căn cứ xử lý H1 về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại điều 323 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Vương Trọng C và anh Nguyễn Bá B không biết nguồn gốc xe máy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio LX, màu trắng, BKS 29 M1- 16020, không tham gia vào việc cầm cố xe máy trên nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Vương Trọng C và anh Nguyễn Bá B.

Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Tú L2 và Lê Minh K: Theo bản án hình sự sơ thẩm số 104/2019/HSST ngày 27/8/2019 Tòa án nhân dân huyện G, Hà Nội, xử phạt bị cáo Nguyễn Tú L2 09 năm tù và bị cáo Lê Minh K 08 năm tù, về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 - Sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về dân sự: Anh Đặng Minh H nhận số tiền bồi thường 10.000.000 (mười triệu) đồng từ gia đình L2 và số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng từ gia đình K nên không có yêu cầu gì về vấn đề bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 201/CT-VKSGL ngày 14 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Đỗ Thanh L về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Đỗ Thanh L khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận đã có hành vi Cướp tài sản như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố tại phiên tòa hôm nay và xác nhận hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ và hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo với nội dung Cáo trạng truy tố. Hành vi của bị cáo Đỗ Thanh L đã phạm tội Cướp tài sản áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt: Bị cáo Đỗ Thanh L từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2021.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 104/2019/HSST ngày 27/8/2019 Tòa án nhân dân huyện G, Hà Nội nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Trong phần Tranh luận bị cáo không có ý kiến gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, khi nói lời sau cùng bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Thanh L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với sơ đồ hiện trường, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22/3/2018, tại số nhà 359 đường T, huyện G, Hà Nội các bị cáo Nguyễn Tú L2 có hành vi dùng tuýp bằng kim loại, bị cáo Đỗ Thanh L có hành vi dùng chân tay không đánh anh H, bắt viết giấy bán xe để chiếm đoạt xe máy hiệu Piaggio LX màu đỏ có BKS 29M1-160.20 trị giá 26.000.000 đồng và chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng trị giá 5.000.000 đồng; 01 nhẫn 2 chỉ bằng vàng tây có giá 3.300.000 đồng. Bị cáo Lê Minh K có hành vi tham gia giúp L2 lấy giấy bán xe, hợp thức việc H bán xe lấy tiền trả L2, mang điện thoại của H cầm cố lấy tiền đưa L2. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 34.300.000VND (Ba mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015- Sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Theo bản án hình sự sơ thẩm số 104/2019/HSST ngày 27/8/2019 Tòa án nhân dân huyện G, Hà Nội, xử phạt bị cáo Nguyễn Tú L2 09(Chín) năm tù và bị cáo Lê Minh K 08(Tám) năm tù, về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015- Sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản và sức khỏe của người khác, gây mất trật tự, trị an xã hội, gây tâm lý

hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

Trong vụ án đồng phạm này, bị cáo Nguyễn Tú L2 và Đỗ Thanh L là người thực hành tích cực, bị cáo Lê Minh K có vai trò giúp sức nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Đỗ Thanh L cao hơn đối với mức hình phạt bị cáo Lê Minh K như vậy mới tương xứng với vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015- Sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:* Đã được giải quyết tại án hình sự sơ thẩm số 104/2019/HSST ngày 27/8/2019 Tòa án nhân dân huyện G, Hà Nội nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Bị cáo; người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Xử phạt:* Bị cáo Đỗ Thanh L **08** (Tám) năm **06**(Sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2021.

2. *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng đối với bị cáo.

3. *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng*: HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí*: Bị cáo Đỗ Thanh L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- Thi hành án dân sự H.G;
- Sở tư pháp Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam số 2;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cò Khắc Đàm